

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH, LÃNH TỰ THIÊN TÀI CỦA
CÁCH MẠNG VIỆT NAM - TẤM GƯƠNG TIÊU BIỂU,
MẪU MỰC NHẤT VỀ TINH THẦN NĂNG ĐỘNG,
SÁNG TẠO, DÁM NGHĨ, DÁM LÀM, DÁM CHỊU
TRÁCH NHIỆM VÌ LỢI ÍCH CHUNG

TRẦN NGHỊ (*)

PHẠM THỊ HỒNG (**)

Tóm tắt: Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà ái quốc chân chính, nhà cách mạng sáng suốt, vị lãnh tụ thiên tài của cách mạng Việt Nam. Người luôn là tấm gương sáng chói nhất, tiêu biểu, mẫu mực nhất về tinh thần năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Vì vậy, với tất cả chúng ta, trước hết là mỗi cán bộ, đảng viên cần tích cực, chủ động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách của Người để cùng chung sức, đồng lòng xây dựng đất nước Việt Nam hùng cường, vững bước trong kỷ nguyên mới.

Từ khóa: Cách mạng Việt Nam; Chủ tịch Hồ Chí Minh; tấm gương tiêu biểu.

Abstract: President Ho Chi Minh was a true patriot, a wise revolutionary, and the brilliant leader of the Vietnamese revolution. He remains the brightest and most exemplary model of dynamism, creativity and the courage to think, act and take responsibility for the common good. Therefore, for all of us, especially cadres and Party members, it is essential to actively and proactively study and follow his thought, morality and lifestyle in order to unite and contribute to building a strong and prosperous Vietnam in the new era.

Keywords: Vietnamese revolution; President Ho Chi Minh; exemplary model.

Ngày nhận bài: 20/11/2025 Ngày biên tập: 09/12/2025 Ngày duyệt đăng: 19/12/2025

Củ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của Nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Người gắn liền với lịch sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam và trong suốt sự nghiệp vẻ vang đó, Người luôn là tấm gương sáng chói nhất, tiêu biểu, mẫu mực nhất về

tinh thần năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Điều này được thể hiện qua từng giai đoạn trong suốt quá trình hoạt động cách mạng vẻ vang của Người.

Trong giai đoạn từ tuổi niên thiếu đến trước khi ra đi tìm đường cứu nước (năm 1911): đặc điểm nổi bật nhất của người thanh niên yêu nước Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành giai đoạn này là xuất phát từ những quan sát, trải nghiệm thực tiễn và trăn trở, day dứt về những tấm gương của các nhà yêu nước truyền thống cũng như thất bại của họ để đưa ra quyết định đi sang các nước phương Tây để tìm con đường cứu nước, giải phóng dân tộc khác với các nhà yêu nước trước đó.

(*) TS; Tạp chí Tổ chức nhà nước và Lao động, Bộ Nội vụ

(**) TS; Ban Dân chủ, giám sát và phản biện xã hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Bước ngoặt quan trọng trong nhận thức của Nguyễn Tất Thành ở giai đoạn này - cũng là sự thể hiện phẩm chất dám “nghĩ khác, làm khác” là khi Người được tiếp xúc với tư tưởng của các nhà cải cách Việt Nam, với các tác phẩm tiêu biểu của nền văn minh nhân loại. Khi theo học ở Trường Quốc học Huế, Người đã “tiếp tục đọc Tân Thư... đọc sách của Nguyễn Trường Tộ với những điều trần cải cách mong cứu vãn đất nước”⁽¹⁾.

Đặc biệt, việc tiếp xúc và ảnh hưởng của tư tưởng về “tự do, bình đẳng, bác ái” của cách mạng tư sản Pháp đã khiến Nguyễn Tất Thành hướng suy nghĩ và hành động của Người theo một hướng đi mới, hoàn toàn khác với những tư tưởng của các nhà cách mạng Việt Nam đương thời: “Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái... và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những chữ ấy... Tôi quyết định tìm cách đi ra nước ngoài”⁽²⁾. Việc ra đi tìm đường cứu nước ngày 05/6/1911 có thể xem là điểm khởi đầu của tinh thần năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trong giai đoạn từ giữa năm 1911 đến năm 1930: tinh thần năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh thể hiện qua việc Người dành thời gian nghiên cứu bản chất chế độ tư sản; tiếp nhận chủ nghĩa Mác-Lênin; đưa ra những phác họa về mô hình chế độ xã hội, nhà nước và pháp luật kiểu mới ở Việt Nam. Từ năm 1911 đến năm 1923, Người đã đến Anh, Pháp, Mỹ và các xứ thuộc địa của chế độ thực dân lúc bấy giờ để thực hiện một cuộc khảo sát lớn về bản chất của chủ nghĩa thực dân, đế quốc để hai lần tiến hành phê phán mạnh mẽ, toàn diện và sâu sắc chế độ cai trị thuộc địa và chế độ nhà nước, pháp luật tư sản; đồng thời kiên quyết không chấp nhận con đường cách mạng tư sản.

Lần thứ nhất, trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Người đã vạch trần tính chất phản động, dã man của chế độ cai trị ở các nước thuộc địa của thực dân Pháp. Từ việc phê phán những hành vi dã man của các

“quan thuộc địa” và việc thực thi chế độ pháp luật hà khắc ở các nước thuộc địa của thực dân Pháp, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện thái độ kiên quyết đoạn tuyệt với những tư tưởng cách mạng cải lương, đồng thời hình thành những quan điểm về chế độ dân chủ nhân dân ở Việt Nam sau này.

Lần thứ hai, trong tác phẩm *Đường Kách mệnh*, Người đã phê phán triệt để chế độ nhà nước và pháp luật tư sản mà điển hình là ở nước Anh, Pháp và Mỹ. Bằng những cứ liệu thực tiễn chính xác, về tính chất phản động, tàn bạo, kìm hãm sự phát triển lịch sử của các chế độ nhà nước và pháp luật của các nước này, Người đã khẳng định sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam không thể đi theo con đường cách mạng tư sản, vì đó là những cuộc “cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa”⁽³⁾. Đó cũng quan điểm kiên quyết đoạn tuyệt với con đường cách mạng tư sản, cũng như những tư tưởng cách mạng cải lương.

Cũng chính từ trong cuộc đấu tranh kiên quyết chống chế độ nhà nước, pháp luật tư sản và chế độ thuộc địa, Người đã quyết định đi theo con đường của chủ nghĩa Mác-Lênin. Sau khi đọc tác phẩm “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của V.I.Lênin, Người đã viết: “Hỡi đồng bào bị dọa đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”⁽⁴⁾. Người khẳng định: muốn cứu nước và giải phóng dân tộc thì phải tiến hành cách mạng vô sản.

Hoạch định con đường phát triển của các dân tộc thuộc địa là một vấn đề hết sức mới mẻ đối với các nhà hoạt động cách mạng của Quốc tế cộng sản lúc bấy giờ và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc là tấm gương sáng về những quan điểm có tính vượt trước. Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, Người khẳng định Việt Nam sẽ: “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Con đường đó kết hợp cả nội dung dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, mà xét về thực chất chính là con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Năm 1920 Người đã tham gia

thành lập Đảng Cộng sản Pháp, bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ ba. Đó là những sự kiện đánh dấu sự thay đổi về chất trong tư tưởng yêu nước của Người: “Từ đó, tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”⁽⁵⁾.

Trải qua 10 năm nghiên cứu, học tập, tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin (1920-1929), đến đầu năm 1930, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã đưa ra những phác thảo đầu tiên về chế độ xã hội mới ở Việt Nam. Trong các tác phẩm “Chánh cương vắn tắt của Đảng”, “Sách lược vắn tắt của Đảng”, “Chương trình tóm tắt của Đảng”, “Điều lệ vắn tắt của Đảng”, “Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng”, Người khẳng định con đường cách mạng Việt Nam là: “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”; mô hình nhà nước kiểu mới ở Việt Nam sau khi giành được độc lập dân tộc sẽ là: “Thành lập Chính phủ công nông binh”; tính chất của chế độ dân chủ nhân dân mới là: “Đem lại mọi quyền tự do cho nhân dân”⁽⁶⁾. Đây là phác họa về mô hình một chế độ xã hội Việt Nam sau khi giành được độc lập, theo nguyên tắc xóa bỏ hết đặc quyền, đặc lợi của thực dân và phong kiến, đem lại và thực hiện quyền lợi cho nhân dân lao động. Đảng ta khẳng định: “Với Cương lĩnh đó, những nét lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh đã hình thành”⁽⁷⁾.

Trong giai đoạn từ năm 1931 đến năm 1940: các tài liệu lịch sử cho thấy đây là giai đoạn lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc kiên định tư tưởng của Người về con đường cách mạng Việt Nam trước những khó khăn, thử thách do chính Quốc tế Cộng sản và các đồng chí của Người khi đó gây ra (trong một tác phẩm, Người có nhắc đến việc đã 8 năm hầu như không được Quốc tế cộng sản giao việc, đứng ngoài mọi công việc). Những phác thảo bước đầu của Người về con đường cách mạng Việt Nam bị Quốc tế Cộng sản phê phán gay gắt và chỉ đạo những người cộng sản Việt Nam khi đó phải tiến hành phê phán Nguyễn Ái Quốc. Trước những khó khăn, thử thách nặng nề đó, Người vẫn kiên định lập trường về con đường cách mạng Việt Nam. Trong Thư gửi Quốc tế cộng sản, Người viết: “Nếu chúng ta cứ để họ (những người cách mạng Việt Nam) đi theo con đường đó thì sẽ rất mạnh động và nguy hiểm”⁽⁸⁾.

Trong tác phẩm *Thư gửi Ban Phương Đông*, Người phê phán: “1. Đa số các đồng chí... cũng không hiểu thật rõ “cách mạng dân chủ tư sản” là gì. 2. Các đồng chí không hiểu tại sao phải kết hợp cách mạng phản đế với cách mạng ruộng đất”⁽⁹⁾. Phải đến Đại hội VII Quốc tế cộng sản (tổ chức từ ngày 25/7 đến ngày 20/8 năm 1935 tại Moskva), đồng chí Lê Hồng Phong - Nguyên Bí thư Ban hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương khi đó chính thức thừa nhận những sai lầm trong việc phê phán Nguyễn Ái Quốc và Cương lĩnh đầu tiên của Đảng. Năm 1956, Kuxinhen - tác giả Văn kiện *Phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa*, cũng thừa nhận quan điểm chỉ đạo của Đại hội VI Quốc tế cộng sản đối với cách mạng ở các nước thuộc địa (trong đó có Việt Nam) là biệt phái tả khuynh và tự mâu thuẫn⁽¹⁰⁾. Đó cũng là sự thừa nhận con đường cách mạng Việt Nam mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã khẳng định trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng mới là đúng đắn và phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Từ năm 1941 đến trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945: là giai đoạn Chủ tịch Hồ Chí Minh hiện thực hóa và làm phong phú những luận điểm sáng tạo của Người về cách mạng Việt Nam bằng việc xác lập mô hình lý thuyết và triển khai xây dựng trên thực tế những hình thức tiền thân của Nhà nước và pháp luật kiểu mới ở Việt Nam. Trong giai đoạn này, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương thành lập những hình thức tiền thân của Nhà nước và pháp luật (rộng ra là cả mô hình hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam) để sau khi giành được chính quyền sẽ trở thành chính thức. Tháng 5/1941, tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh nhằm đoàn kết, tập hợp các tầng lớp nhân dân, các đoàn thể cách mạng để chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa.

Năm 1943, dưới sự chỉ đạo của Người, tại các vùng căn cứ địa cách mạng đã lập ra các Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh và liên tỉnh. Nói về tính chất của Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam được thành lập tại Tân Trào

(năm 1945), Người viết: “Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam cũng như Chính phủ lâm thời của ta lúc này”⁽¹¹⁾. Đó chính là hình thức tiền thân của nhà nước Việt Nam kiểu mới mà Người đã lựa chọn qua 30 năm tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Chương trình Việt Minh cũng nhấn mạnh: sau khi đánh đuổi được đế quốc Pháp, phát xít Nhật, sẽ thành lập một Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hình thức tiền thân của pháp luật kiểu mới mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh phác họa được thể hiện trong Chương trình Việt Minh, theo đó cách mạng Việt Nam sẽ thắng lợi, một nước Việt Nam dân chủ cộng hòa chân chính dân chủ sẽ xuất hiện. Cách mạng dân tộc giải phóng thành công, chúng ta sẽ thi hành bản Chương trình vĩ đại trên đây. Các nhà khoa học cho rằng đó là những hình thức tiền thân để xây dựng, phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam sau này: “Mặt trận Việt Minh đưa ra 10 chính sách lớn, có thể nói đó là mầm mống pháp luật của chế độ mới”⁽¹²⁾; “Chương trình Việt Minh có thể coi là cơ sở xây dựng bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta”⁽¹³⁾.

Trong giai đoạn từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến năm 1969: những luận điểm sáng tạo, đổi mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục được bổ sung và phát triển trên cơ sở thực tiễn cách mạng Việt Nam và từ sự chỉ đạo trực tiếp của Người đối với cách mạng. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công mở ra trang lịch sử mới của đất nước và dân tộc Việt Nam. Ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập do chính Người soạn thảo, khẳng định và tuyên bố quyền độc lập dân tộc, các quyền tự do dân chủ của nhân dân, thành lập xây dựng chế độ cộng hòa dân chủ nhân dân ở Việt Nam.

Thực hiện quyết tâm xây dựng nền hiến trị, pháp trị dân chủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 34 ngày 20/9/1945 thành lập Ủy ban Dự thảo Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Người trực tiếp làm Trưởng ban; Sắc lệnh số 39 ngày 26/9/1945 thành lập Ủy ban Dự thảo thể lệ Tổng tuyển cử để bầu ra Quốc hội lập hiến, thông qua Hiến pháp năm 1946. Ngày 10/10/1945, Người ký

Sắc lệnh số 47 về việc tạm thời sử dụng một số luật lệ của chế độ cũ, trừ những điểm trái với chính thể cộng hòa. Ngày 09/11/1946, Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa I đã thông qua Hiến pháp năm 1946 và Luật Lao động, hai đạo luật đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Các đạo luật đó cùng hàng loạt Sắc lệnh do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành đã thể hiện bước phát triển tư tưởng của Người về cách mạng Việt Nam, về chế độ dân chủ nhân dân ở Việt Nam, trở thành cơ sở tổ chức và hoạt động của Nhà nước dân chủ nhân dân, đảm bảo tính hợp pháp, hợp hiến của Nhà nước, thiết lập một trật tự xã hội mới trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, ngoại giao...

Trong lĩnh vực đối ngoại, trong Lời Tuyên bố của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cùng Chính phủ các nước trên thế giới (ngày 14/01/1950), Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố: “Căn cứ trên quyền lợi chung, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ nước nào trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, để cùng nhau bảo vệ hòa bình và xây dựng dân chủ thế giới”. Quan điểm này đã chính thức đặt nền móng chính sách đối ngoại, đặt cơ sở pháp lý cho Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tham gia tích cực vào việc xây dựng pháp luật quốc tế và hoàn thiện pháp luật trong nước.

Ngay sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Tình hình đã đổi mới, nhiệm vụ của ta do đó cũng thay đổi, chính sách và khẩu hiệu cũng phải thay đổi, cho hợp với tình hình mới”⁽¹⁴⁾. Năm 1957, Người ký ban hành các đạo luật về chế độ báo chí; về quyền tự do hội họp, quyền lập hội; quyền tự do thân thể, quyền bất khả xâm phạm đối với nhà ở, đồ vật, thư tín của nhân dân. Các đạo luật này là sự cụ thể, chi tiết hóa các quyền cơ bản của công dân quy định trong Hiến pháp năm 1946.

Trong Báo cáo về Dự thảo Hiến pháp sửa đổi tại Kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa I, Người nhấn mạnh Hiến pháp năm 1959 là Hiến pháp xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu xây dựng

nhà nước của nhân dân, do giai cấp công nhân lãnh đạo. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Người, Quốc hội đã ban hành Hiến pháp năm 1959 cùng các đạo luật về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, như Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Hội đồng Chính phủ, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân. Từ đây, bộ máy nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật.

Trong toàn bộ quá trình hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn là tấm gương mẫu mực, tiêu biểu nhất về sự năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Đó là quyết tâm “Dù phải đốt cháy dãy Trường Sơn cũng phải quyết giành được độc lập cho dân tộc”, và “Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn”. Người còn để lại cho chúng ta di sản tư tưởng quý báu về các lĩnh vực, như vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam; về chủ nghĩa xã hội và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam và xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền; về xây dựng Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân; về vấn đề con người; về văn hóa, giáo dục; về quân sự; về đạo đức và tu dưỡng đạo đức cách mạng...

Một điểm đặc biệt nữa là Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chú trọng vận dụng sáng tạo, phát triển các tư tưởng, học thuyết tiến bộ của nhân loại phù hợp với thực tiễn Việt Nam, kiên quyết chống việc vận dụng rập khuôn, máy móc. Khi nghiên cứu chủ nghĩa Mác, Người khẳng định cần: “Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó bằng dân tộc học phương Đông... bổ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được”. Khi xây dựng chính sách kinh tế, xã hội ở miền Bắc, trong khi chỉ rõ cần học kinh nghiệm của Liên Xô, Người cũng nhấn mạnh “Ta không thể giống Liên Xô vì Liên Xô có phong tục, tập quán khác, có lịch sử, địa lý khác”, do đó

“ta có thể đi theo con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội”. Đặc biệt trong phiên họp Bộ Chính trị ngày 10/12/1954 bàn về Đề án khôi phục kinh tế, Người chỉ rõ: “Nếu muốn công nghiệp hóa gấp thì chủ quan. Cho nên trong kế hoạch phải tăng tiến nông nghiệp. Làm trái với Liên Xô, đó cũng là mác xít”. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên “Chớ đem chủ quan của mình thay cho điều kiện thực tế. Phải chống bệnh chủ quan, tác phong quan liêu, đại khái. Phải xây dựng tác phong điều tra, nghiên cứu... trong khi định ra mọi chính sách của Đảng và của Nhà nước”⁽¹⁵⁾. Người nhấn mạnh rằng hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin là phải sống với nhau có tình, có nghĩa, nếu sống với nhau không có tình, có nghĩa thì không hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin. Người nhắc nhở đội ngũ cán bộ, đảng viên: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức”. Người luôn tâm niệm: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”./.

Ghi chú:

- (1),(10) Đỗ Quang Hưng, *Thêm những hiểu biết về Hồ Chí Minh*, Nxb Lao động, H.1999, tr.130, tr.31-34.
- (2),(3) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Nxb CTQG-ST, H.2000, tr.274, tr.274.
- (4) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, sdd, tr.562.
- (5) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, sdd, tr.127.
- (6),(8),(9),(11) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, sdd, tr.10, tr.82, tr.83, tr.554.
- (7) Nông Đức Mạnh, *Phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, đổi mới, sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ mới*, Báo Nhân dân, ngày 16/5/2003.
- (12) Hoàng Văn Hào, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước kiểu mới - quá trình hình thành và phát triển*, Nxb CTQG-ST, H.1995, tr.23.
- (13) *Danh nhân Hồ Chí Minh*, Nxb Lao động, H.2000, tr.191.
- (14) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, sdd, tr.315.
- (15) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, sdd, tr.315.